

Ngày soạn: 18/10/2025

Ngày dạy:/...../.....

Tiết 26,27,28
Văn bản 1.

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI
GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN
HỊCH TƯỚNG SĨ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Chỉ ra được chủ đề và các thể loại của chủ điểm
- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm; lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được, ghi chép, chủ đề và các thể loại, các luận điểm trong văn bản nghị luận.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.
- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

b. Năng lực riêng:

- Nhận biết được nội dung bao quát, chủ đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

3. Phẩm chất:

- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

*** Lòng ghép QPAN: Lòng tự hào dân tộc về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của ông cha ta.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

-Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5'

- GV tổ chức trò chơi: “**Đây là ai?**”

+ Câu hỏi số 1:

*Thù chồng nợ nước hỏi ai,
Đuôi quân tham bạo, diệt loài xâm lăng
Mê Linh nổi sóng đất bằng,
Hát giang ghi dấu hơn căm đến giờ.*

- Là ai?

(Hai Bà Trưng)

+ Câu hỏi số 2:

*Đố ai trên Bạch Đằng Giang,
Làm cho cọc nhọn, dọc ngang sáng ngời
Phá quân Nam Hán toi bời,
Gươm thần độc lập giữa trời vung lên.*

- Là ai?

(Ngô Quyền)

+ Câu hỏi số 3:

*Đố ai đánh Tống Bình Chiêm
Ba ngày phá vỡ Khâm, Liêm hai thành
Ung Châu đổ nát, tan tành
Mở đầu Bắc phạt, uy danh vang lừng.*

- Là ai?

(Lý Thường Kiệt)

+ Câu hỏi số 4:

*Đố ai nổi sóng sông, rừng
Đã vui Hàm Tử lại mừng Chương Dương
Vân Đồn cướp sạch binh cường
Nồi bằg mai phục chặn đường giặc lui?*
(Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn)

+ Câu hỏi số 5:

*Can trường kháng chiến mười năm
Anh hùng áo vải nhiều lần khôn nguy.
Gian lao có quản ngại gì,
Gươm thần trả lại chính vì quốc dân.*

- Là ai?

(Lê Lợi)

+ Câu hỏi số 6:

*Đố ai giải phóng Thăng Long,
Nửa đêm trù tịch, quyết lòng tiến binh.
Đóng Đa, sông Nhị vượn mình
Giặc Thanh vỡ mộng cường chinh, toi bời.*

- Là ai?

(Quang Trung – Nguyễn Huệ)

- GV dẫn dắt vào bài mới: Các em ạ, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... là những anh hùng dân tộc vĩ đại của dân tộc ta. Nhắc đến các vị anh hùng đó, chúng ta không khỏi tự hào, xúc động. Yêu nước, từ bao đời nay đã trở thành một tư tưởng xuyên suốt, là một truyền thống đấu tranh, bất khuất. Lời sông núi để lại vẫn còn vang vọng, có sức sống lâu bền qua nhiều thế hệ. Nối tiếp chương trình Ngữ văn 8, chúng ta sẽ cùng đến với chủ điểm 3: Lời sông núi. Mời các em cùng ghi bài học ngày hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. **Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

* **Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung cơ bản của bài học.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:** 3p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: + Chủ đề của bài học là gì? + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì? + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC - Chủ đề bài học: Lời sông núi → Trong suốt chiều dài lịch sử, biết bao thế hệ người Việt Nam đã hi sinh xương máu để xây đắp và gìn giữ đất nước mình. Gia tài vô cùng quý báu trong truyền thống của người Việt Nam là lòng yêu nước, là sự gắn bó máu thịt với quê hương. xứ sở. Lòng yêu nước thể hiện ở hành động đấu tranh dựng nước và giữ nước, ở các giá trị tinh thần được tạo nên, trong đó có những áng văn sống mãi với thời gian - Thể loại chính: + “ <i>Hịch tướng sĩ</i> ”: Văn bản nghị luận + “ <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> ”: Văn bản nghị luận + “ <i>Nam quốc sơn hà</i> ”: Thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

a. **Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm và mối quan hệ của luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:** 7p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung theo từng vòng. - Vòng 1: Tìm từ khóa + Vấn đề được luận bàn + Có tính chất bao trùm, xuyên suốt + Một luận đề + Nhan đề + Một số câu + Được khái quát từ toàn bộ nội dung. - Vòng 2: Sắp xếp + Khái niệm + Đặc điểm + Vị trí Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, trả lời câu hỏi, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức. Gv bổ sung: - Nhan đề: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ chí Minh) Sức sống của con người Việt Nam qua ca dao (Nguyễn Đình Thi) Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc (Đặng Thai Mai) - Ví dụ: Ví dụ: + Luận đề của VB Xem người ta kia! (Lạc Thanh) là ý nghĩa của sự gần gũi và khác biệt giữa mọi người + Luận đề của VB Hãy cầm lấy và đọc (Huỳnh Như Phương) là sự cần thiết của việc đọc sách;...	II. TRI THỨC NGŨ VĂN 1. Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận a. Luận đề - Khái niệm: Là vấn đề được luận bàn trong văn bản - Đặc điểm: + Có tính bao trùm, khái quát toàn bộ văn bản. + 1 văn bản – 1 luận đề - Vị trí: + Nhan đề + Một số câu văn + Khái quát từ nội dung toàn bài b. Luận điểm - Khái niệm: Là những ý triển khai khía cạnh khác nhau của 1 luận điểm - Đặc điểm: Thể hiện ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề bàn luận.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv đặt câu hỏi gợi dẫn:	2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với

- + Em hãy chỉ ra mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.
- + Khái quát mối quan hệ đó bằng sơ đồ tư duy.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

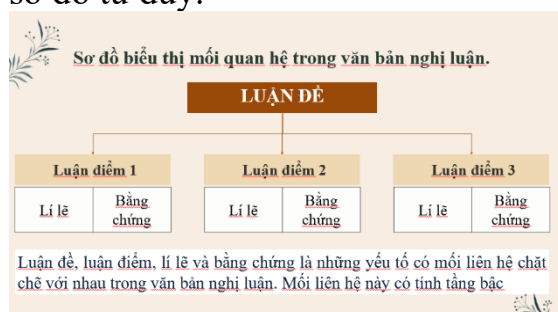
HS tiếp nhận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, trả lời câu hỏi, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV chốt và mở rộng kiến thức, chiếu sơ đồ tư duy.



nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tăng bậc

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:** 3p

- GV yêu cầu học sinh đọc 1 văn bản nghị luận bất kì và hoàn thành sơ đồ về mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận

Đọc 1 văn bản nghị luận và hoàn thành sơ đồ dưới đây



- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 2p

- **GV giao nhiệm vụ:** Từ luận đề: *Gia đình có vai trò rất quan trọng đối với mỗi chúng ta.* Hãy chỉ ra ít nhất 2 lí lẽ, bằng chứng để làm rõ luận đề.

- **GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.**

Rút kinh nghiệm

.....

Văn bản 1.

HỊCH TƯỞNG SĨ

Trần Quốc Tuấn

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- HS phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- HS liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội hiện nay (đặc biệt là vấn đề xây dựng Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền đất nước); có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung nêu trong văn bản về tinh thần yêu nước ctyar nhân dân ta

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hịch tướng sĩ*
 - Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

3. Phẩm chất:

Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

***Lòng ghép QPAN: Lòng tự hào dân tộc về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của ông cha ta.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy
 - Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
 - Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

-Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:5p

GV cho HS tham gia hoạt động: Dáng hình đất nước

- Em hãy kể tên những danh tướng Việt Nam đã có công đánh đuổi ngoại xâm mà em biết.

- Em ấn tượng nhất với vị danh tướng nào? Vị danh tướng ấy gắn với chiến công gì?

- GV dẫn dắt vào bài mới: Dáng hình đất nước Việt Nam ngàn đời nay được xây đắp từ công sức, máu xương của những vị anh hùng dân tộc. Mỗi triều đại lịch sử, dân tộc ta đều tự hào vì có được các danh tướng đủ tài và đức để lãnh đạo nhân dân đánh bại hầu hết các thế lực ngoại xâm, bảo vệ yên bình cho dân tộc. Một trong số đó, phải kể đến Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn “thiên tài quân sự có tầm chiến lược, và là một anh hùng dân tộc bậc nhất của nhà Trần”. Ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu tác phẩm “**Hịch tướng sĩ**” của ông để thấy rõ hơn tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung cơ bản của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chú ý chiến lược đọc được nêu ở bên phải văn bản. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc - Chú ý đọc với giọng dứt khoát, đanh thép. Giọng điệu thay đổi linh hoạt (nhất là những đoạn thể hiện rõ cảm xúc mãnh liệt của tác giả) - Chú ý chiến lược đọc được nêu ở bên phải văn bản.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS theo dõi sgk
- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá

Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm qua phiếu tổng quan về văn bản. (Giao từ tiết trước)
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Phiếu tổng quan về văn bản

Nhóm: _____ Lớp: _____

Dựa vào kiến thức SGK và những hiểu biết của em, hoàn thiện những thông tin sau

Những điều tôi biết sơ bộ về tác giả	Cảm nhận của tôi về tác giả
Những điều tôi biết sơ bộ về văn bản	Cảm nhận của tôi về văn bản

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày sản phẩm

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức
- GV chiếu một số hình ảnh về đền thờ và tượng của Trần Quốc Tuấn

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả:

- **Trần Quốc Tuấn (1231? – 1300)**

- **Tước:** Hưng Đạo Đại Vương

- Là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc.

Ông là người hai lần lãnh đạo và đem lại chiến thắng oanh liệt trong 2 lần chống quân Nguyên xâm lược.

- Ông được nhân dân tôn vinh là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên cả nước.

b. Tác phẩm

- **Hoàn cảnh ra đời**

Viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai

- **Thể loại:** Hịch (văn nghị luận).

GV bổ sung 1 số thông tin về thể loại: - Đối tượng sử dụng: Vua, quan, tướng lĩnh. - Mục đích sử dụng: Thuyết phục, kêu gọi người dưới quyền chống giặc ngoại xâm hoặc giai cấp thống trị. - Hoàn cảnh: Khi đất nước có chiến tranh. - Bố cục thông thường + Nêu cơ sở. + Căn cứ của quan điểm, lập trường, tính chính nghĩa, phi nghĩa... + Đưa lời khuyên dụ.	
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Khám phá được

- Mục đích của bài hịch
- Cơ sở, căn cứ cho lập luận của toàn văn bản
- Đánh giá tình hình thực tế về bổn phận (trách nhiệm) của các tì tướng với chủ tướng
- Những lí lẽ dùng để kêu gọi các tì tướng.

* Đối với HS khuyết tật nghe - nói:

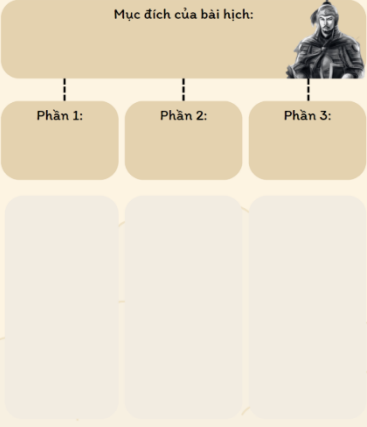
Viết được mục đích của bài hịch; bổn phận (trách nhiệm) của các tì tướng với chủ tướng.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 80p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức kĩ thuật Think- pair-share (hoàn thành PHT) Thời gian: 7 phút	II. Khám phá văn bản 1. Mục đích của bài hịch * Mục đích của bài hịch (luận đề) Khuyến nhủ các tì tướng phải chăm lo rèn tập võ nghệ, tích cực học tập Binh thư yếu lược do chính Trần Quốc Tuấn soạn ra. * Bố cục: - Phần 1 (từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”): Nêu cơ sở, căn cứ cho lập luận Người bề tôi hết lòng với vua/chủ của mình (trong xã hội phong kiến) để chống lại kẻ thù phi nghĩa là giá trị đạo đức được đời đời tôn vinh. - Phần 2 (tiếp đến “muôn vui chơi phởng có được không?”): Tiến hành lập luận

Thành viên nhóm:..... Lớp:..... Phiếu cộng tác ghi chú Mục đích của bài học: 	Làm rõ tính phi nghĩa của phe địch, đánh giá tình hình thực tế về bốn phận (trách nhiệm) của các tì tướng với chủ tướng. - Kẻ thù gây nhiều tội ác → phi nghĩa - Chủ tướng lo lắng cho sự an nguy của đất nước, luôn quan tâm chăm lo cho tì tướng → làm tròn trách nhiệm của chủ tướng. - Tì tướng không chia sẻ nỗi lo với chủ tướng, chỉ theo đuổi ham muốn riêng của bản thân mình, khiến những hậu quả khôn lường xảy ra (với chủ tướng, tì tướng, người thân, mồ mả tổ tiên,...) → chưa làm tròn trách nhiệm của tì tướng. - Phần 3 (còn lại): Rút ra kết luận Khuyến nhủ các tì tướng phải chăm lo rèn tập võ nghệ, tích cực học tập <i>Binh thư yếu lược</i> do chính Trần Quốc Tuấn soạn thì mới là làm đúng bốn phận (trách nhiệm) của người tì tướng với chủ tướng (mở rộng ra chính là trách nhiệm của mỗi người dân với đất nước)
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS thảo luận và báo cáo sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi gợi dẫn: 1. Hãy chỉ ra những điểm chung của các cặp nhân vật lịch sử được nêu ở phần đầu bài học. 2. Tác giả đã nêu hành động của tám cặp nhân vật lịch sử này để minh chứng điều gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời câu hỏi, chia nhóm và hoàn thành PHT Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.	2. Cơ sở, căn cứ cho lập luận của toàn văn bản. * Các cặp nhân vật – Mối quan hệ - Hành động - Cao Kế - Kỉ Tín (vua – tôi) - Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát Cao Đế - Chiêu Vương – Do Vu (vua – tôi) - Do Vu chĩa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương - Trí Bá – Dự Nhượng (Chủ - gia thân) - Dự Nhượng nuốt than báo thù cho chủ - Tể Trang Công – Thân Khoái (Vua – tôi) - Thân Khoái chặt tay chết theo nạn của vua - Đường Thái Tông – Kính Đức (Vua – tôi) - Kính Đức phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây - Cảo Khanh – An Lộc Sơn (Bè tôi – kẻ thù của vua) - Cảo Khanh máng Lộc Sơn để tỏ lòng trung nghĩa với vua

	- Vương Công Kiên – Nguyễn Văn Lộc (Chủ tướng – tì tướng) - Nguyễn Văn Lộc chống quân Mông Kha - Cốt Đãi Ngột Lang – Xích Tu Tư (Chủ tướng – tì tướng) - Xích Tu Tư xông vào nơi hiểm nguy đánh quân Nam Chiếu * Mỗi quan hệ của các cặp nhân vật - Vua (chủ/chủ tướng) - Tôi (gia thần/tì tướng) → Người bề tôi hết lòng với vua/chủ của mình (trong xã hội phong kiến) để chống lại kẻ thù phi nghĩa là giá trị đạo đức được đời đời tôn vinh. → Cơ sở, căn cứ cho lập luận của toàn văn bản
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 3 nhóm: Hoàn thành phiếu học tập trả lời câu hỏi sau: <i>Để khơi gợi những cảm xúc mạnh mẽ trong lòng các tì tướng và thuyết phục họ, Trần Quốc Tuấn đã nhắc đến nhiều hiện tượng trong thực tế. Đó là những hiện tượng nào?</i> - Thời gian: 7 phút	3. Đánh giá tình hình thực tế về bốn phận (trách nhiệm) của các tì tướng với chủ tướng * Những tội ác của quân giặc - Sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường → coi thường mọi người dân Việt, coi thường chủ quyền của đất nước ta. - Sứ giặc chửi mắng triều đình, quan lại → coi thường các bậc đáng kính, coi thường kỉ cương, phép nước - Cậy quyền cậy thế để vơ vét của cải của đất nước ta → hành vi của kẻ cướp → Căm thù giặc * Những tình cảm, suy nghĩ, hành động của chủ tướng - Đau đớn đến không ăn, không ngủ được; khát vọng tiêu diệt, đánh đuổi kẻ thù, dẫu phải hi sinh thân mình → trách nhiệm mỗi người Việt cần phải có trước nguy cơ đất nước bị giày xéo. - Cung cấp mọi điều kiện thuận lợi cho các tì tướng trong công việc; chăm lo nâng cao đời sống cho các tì tướng → có ơn với các tì tướng. - Chia sẻ buồn vui như những người thân thiết nhất, sống chết có nhau → có tình có nghĩa với các tì tướng. → Muốn báo đáp công ơn của chủ tướng khi chủ tướng cần đến mình.

Thành viên nhóm:..... Lớp:.....			
Phiếu học tập			
STT	Nhóm các hiện tượng có trong thực tế	Cảm xúc chủ đạo được khơi gợi trong lòng các tì tướng	
1	Những tội ác của quân giặc		
2	Những tình cảm, suy nghĩ, hành động của chủ tướng		
3	Những việc làm của các tì tướng		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

GV phát vấn:

- Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ nào để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ hành động không đúng?

- Tác giả đã chọn cách diễn đạt như thế nào để lời hịch có sức tác động lớn đến nhận thức và tình cảm của các tì tướng? Hãy phân tích một ví dụ mà em cho là tiêu biểu cho cách diễn đạt đó.

***Những việc làm khác của các tì tướng**

- Làm tì tướng nhưng “nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn” → chưa làm tròn bổn phận (trách nhiệm) của tì tướng với chủ tướng, của một người dân với đất nước.

- Bản thân tì tướng cũng bị xúc phạm mà không biết căm tức kẻ thù → cô cảm, không biết giữ thể diện, thiếu dũng khí.

- Mải mê thú vui riêng, chỉ biết chăm lo cho gia đình riêng nhỏ bé → chưa làm tròn bổn phận (trách nhiệm) với đất nước, với cộng đồng, tầm nhìn hạn hẹp

→ **Hỗ thẹn, muốn sửa chữa những điều bản thân chưa làm đúng.**

***Bằng chứng trong thực tế (đã xảy ra)**

- Nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn...

- Bị xúc phạm mà không biết căm tức kẻ thù...

- Mải mê thú vui riêng, chỉ biết chăm lo cho gia đình riêng nhỏ bé...

*** Bằng chứng giả định (có thể hoặc chắc chắn sẽ xảy ra)**

- Nếu có giặc Mông Cổ tràn sang, thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp...tiếng hát không thể làm cho giặc điếc tai.

- Lấy việc chơi gà làm niềm vui...hoặc mê tiếng hát.

- Chẳng những thái ấp của ta không còn...lúc bấy giờ đâu các người muốn vui vẻ phủng có được không?

→ **Chứng minh, thuyết phục các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng**

***Nghệ thuật**

- Cách dùng từ ngữ

+ *chẳng những...mà còn*: tăng cấp

+ *nên...nên...:* đậm chất khuyên nhủ, ân tình

- Cách dùng câu có hình thức hỏi nhưng để khẳng định

- Cách ngắt nhịp câu văn khi dồn dập, thôi thúc, lúc chậm rãi như tỉ tê, tâm sự

- Cách diễn đạt giàu hình ảnh

	- Cách diễn đạt hô ứng tạo hiệu quả cộng hưởng. (các câu văn biến ngẫu)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát vấn: - Với tư cách là chủ tướng, Trần Quốc Tuấn đã dùng những lí lẽ nào để kêu gọi các tù tướng phải rèn tập võ nghệ, học tập cuốn <i>Binh thư yếu lược</i>, chuẩn bị cho việc đánh giặc, giữ nước. - Từ bài hịch này, em rút ra được bài học gì cho bản thân khi viết một bài văn nghị luận? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. <i>Lồng ghép ANQP: Nêu những việc làm góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời bình.</i> GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.	4. Những lí lẽ dùng để kêu gọi các tù tướng - Các tù tướng luôn phải cẩn trọng, không để “mất bò mới lo làm chuồng”. → viện dẫn những câu nói đã trở thành triết lí nhân sinh được người đời đúc rút, không thể chối cãi. - Các tù tướng nếu chăm rèn tập võ nghệ, học tập binh thư thì có thể trở thành người tài giỏi, đánh bại kẻ thù, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, trong đó có chính bản thân các tù tướng. → tác giả đã khẳng định các tù tướng sẽ có được rất nhiều lợi ích và những điều tốt đẹp. - Các tù tướng chỉ có một lựa chọn là chăm rèn tập võ nghệ, học tập binh thư, nếu không sẽ là kẻ thù của chủ tướng. ➔ Khích lệ, động viên mức cao nhất ý chí chiến đấu của các tù tướng.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Kết hợp nghị luận – biểu cảm. - Lời văn đanh thép, giọng văn hùng tráng, có sự hô ứng, nhịp nhàng của kiểu câu văn biến ngẫu. - Hệ thống luận đề, luận điểm và lí lẽ thống nhất, chặt chẽ. 2. Nội dung Văn bản thể hiện lòng căm thù, quyết tâm đánh giặc cứu nước của chủ tướng, cho thấy tầm nhìn xa trông rộng và tài lãnh đạo, thu phục lòng người của Trần Quốc Tuấn. Đồng thời, thể hiện và khẳng định truyền thống yêu nước, đánh giặc giữ nước của dân tộc.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**
Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 15p

- GV giao nhiệm vụ: Viết kết nối: Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.

- Gợi ý:

+ Về nội dung: Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến một truyền thống đáng tự hào của dân tộc ta: yêu nước, chống giặc ngoại xâm, tương thân tương ái....

+ Về hình thức: viết đoạn văn đủ số câu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Các lí lẽ và bằng chứng phải rõ ràng, phù hợp, có sức thuyết phục.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

GV tổ chức hoạt động: GALA Sân khấu hóa

Với chủ đề “Hào khí ngàn năm” em hãy sáng tạo kịch bản sân khấu hóa tác phẩm “Hịch tướng sĩ”, tập thoại và tổ chức công diễn trong tiết học sau.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

Tiết 29

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Đặc điểm, nhận diện đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp trong VB, hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đó trong việc trình bày nội dung đoạn văn, nhất là ở VB nghị luận.

- Vận dụng kiến thức về đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp vào việc đọc hiểu và tạo lập VB nghị luận.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết, nhận diện được đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp trong VB

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập)

III. Tiến trình dạy học**Hoạt động 1: Khởi động**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV tổ chức trò chơi WORD SEARCH

Văn bản

Đoạn văn

Chủ đề

Diễn dịch

Quy nạp

Song song

Phối hợp

Ngôn ngữ

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Những từ khóa mà các em tìm được rất chính xác. Vậy các từ đó có nghĩa là gì, chúng có liên quan, có mối quan hệ như thế nào với nhau, chúng ta sẽ vào bài học ngày hôm nay qua tiết “Thực hành tiếng Việt”

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm, chức năng của đoạn văn diễn dịch, quy nạp

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung cơ bản của bài học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động nhóm Dựa vào phần tri thức ngữ văn, SGK trang 58 và SGK trang 64-65, hoàn thành Phiếu học tập sau:	1. Nhận biết đặc điểm của kiểu tổ chức đoạn văn Đoạn văn diễn dịch, đoạn văn quy nạp Diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp là các kiểu đoạn văn được phân biệt dựa vào cách thức tổ chức, triển khai nội dung. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này có liên quan đến câu chủ đề a. Đoạn văn diễn dịch

NHÓM:..... LỚP:.....

Phiếu học tập

Diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp là các kiểu đoạn văn được phân biệt.....

Dấu hiệu nhận biết

Đoạn văn diễn dịch	Đoạn văn quy nạp
Chức năng	

GV hướng dẫn HS phân tích ví dụ trong SGK

*** Đoạn văn diễn dịch**

- Có câu chủ đề đứng đầu đoạn (khẳng định hai nét đặc sắc của tiếng Việt là đẹp và hay)
- Các câu tiếp theo khẳng định cái đẹp, cái hay được thể hiện cụ thể như thế nào

*** Đoạn văn quy nạp**

- 3 câu đầu nêu những biểu hiện của sự khác biệt tâm thường, vô nghĩa.
- Câu chủ đề ở cuối đoạn

GV đặt câu hỏi: Vậy theo em, đoạn văn diễn dịch, quy nạp có chức năng gì?

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- Có câu chủ đề đứng đầu đoạn
- Các câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.

b. Đoạn văn quy nạp

- Đoạn văn triển khai nội dung chủ đề trước
→ khái quát nội dung chung

- Có câu chủ đề ở vị trí cuối đoạn

2. Chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn đoạn văn diễn dịch, đoạn văn quy nạp

- Thể hiện rõ chủ đề.
- Làm sáng tỏ nội dung của đoạn văn.
- Phù hợp với dạng văn bản nghị luận.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoàn thành PHT cá nhân (bài 1)

Đoạn văn	Câu chủ đề	Vị trí câu chủ đề	Cách thức tổ chức
a.			
b.			

GV hướng dẫn HS làm bài tập 2

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thành bài tập

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung bài làm của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

DỰ KIẾN SẢN PHẨM**Bài 1**

a. Câu chủ đề: Giả sử các bậc đấng cư xử theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

- **Vị trí câu chủ đề:** Cuối đoạn

- **Cách thức tổ chức:** Quy nạp

+ Các câu đầu, tác giả liệt kê những tấm gương trung thần, nghĩa sĩ, nhắc lại những chiến công hiển hách, oai phong.

+ Câu cuối, tác giả khái quát lại vấn đề, đồng thời đưa ra quan điểm của mình.

b. Câu chủ đề: Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.

- **Vị trí câu chủ đề:** Đầu đoạn

- **Cách thức tổ chức:** Diễn dịch

+ Câu đầu khẳng định giá trị của đồng phục

+ Các câu tiếp theo làm rõ việc đồng phục đã tạo nên bản sắc như thế nào.

Bài 2

*** Nội dung**

- **Ví dụ (1):** Số phận, cuộc đời của nhân vật Tấm

- **Ví dụ (2):** Số phận, cuộc đời của nhân vật Thạch Sanh

- **Ví dụ (3):** Khái quát, không đề cập đến nhân vật hoặc câu truyện nào cụ thể, có thể đúng khi nói về bất cứ câu truyện nào.

→ **Câu chủ đề**

- **Ví dụ (4):** Số phận, cuộc đời của nhân vật em (truyện cây khế)

	* Cách sắp xếp thành đoạn văn diễn dịch (3)- (1)- (2)- (4).. (3)- (1)- (4)- (2).... Đặt câu chủ đề ở đầu, các câu sau không theo thứ tự cố định * Cách sắp xếp thành đoạn văn quy nạp (1)- (2)- (4)- (3).. (1)- (4)- (2)- (3).... Đặt câu chủ đề ở cuối, các câu trước không theo thứ tự cố định * Lí giải cách sắp xếp: Vì câu (1), (2), (4) có nội dung như nhau → không cố định vị trí, câu (3) câu chủ đề
--	---

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức hoạt động nhóm và yêu cầu HS

Câu chủ đề: Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.

Nhóm 1: Dựa vào câu chủ đề, viết đoạn văn diễn dịch (8-10 câu)

Nhóm 2: Dựa vào câu chủ đề, viết đoạn văn quy nạp (8-10 câu)

Đoạn văn tham khảo

Đoạn văn diễn dịch

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Lòng yêu nước chính là tình yêu quê hương đất tổ nơi mình sinh ra và lớn lên. Lòng yêu nước có thể là yêu lũy tre xanh bao quanh làng, yêu dòng sông chảy trước nhà, yêu chân ruộng thơm mùi gốc rạ, yêu con cò đứng khoan thai trên đồng bên dáng mẹ còng lưng làm cỏ lúa... Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn.

Đoạn văn quy nạp

Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước; nỗ lực cố gắng không ngừng để dựng xây và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh hơn. Lòng yêu nước là tình cảm cao cả, thiêng liêng của mỗi người dành cho quê hương đất nước. Đó là yêu sông, yêu núi, yêu làng, yêu xóm, yêu người dân sống trên mảnh đất hình chữ S. Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này

chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn.

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.

Rút kinh nghiệm

.....

Tiết 30,31

TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

Hồ Chí Minh

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết được chủ đề, nội dung bao quát của văn bản
- Biết được một số yếu tố cơ bản của văn bản nghị luận: luận đề, các luận điểm (được thể hiện ở các đoạn văn cụ thể), cách sử dụng (lí lẽ và bằng chứng) để lập luận nhằm thuyết phục người đọc.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được chủ đề, nội dung bao quát của văn bản, luận điểm trong văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*
- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

3. Phẩm chất:

- Biết tự hào về truyền thống yêu nước của nhân dân ta qua các thời kì lịch sử.
- Có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, với đất nước.

*** Lòng ghép QPAN: Tinh thần đoàn kết, quyết chiến, quyết thắng tạo nên sức mạnh dân tộc đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về tác giả, tác phẩm
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV cho HS tham gia hoạt động: Lòng yêu nước và bản lĩnh Việt Nam

Qua những bài học từ môn Lịch sử hoặc qua những truyện lịch sử đã học, đã đọc, hành động yêu nước của nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

- HS chia sẻ

- GV cho HS quan sát, chia sẻ về một số nhân vật lịch sử: Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hồ Chí Minh....

- GV dẫn dắt vào bài mới: Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã trải qua những chặng đường đầy gian lao thử thách, nhưng vẫn trường tồn và phát triển bởi đã rèn đúc nên bản lĩnh rất vững vàng, mang đậm tính cách và khí phách của dân tộc, gắn liền với một triết lý nhân sinh mang tính nhân văn sâu sắc. Trong đó, lòng yêu nước là bậc thang cao nhất, là yếu tố cốt lõi và chi phối đời sống tinh thần của dân tộc. Bàn về vấn đề này, tác giả Hồ Chí Minh đã có một bài viết rất chân thực, sâu sắc, với những lí lẽ, dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu.... Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chú ý chiến lược đọc được nêu ở bên phải văn bản. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS theo dõi sgk - GV quan sát, hỗ trợ	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc - Chú ý điều chỉnh giọng đọc phù hợp: khi thì sôi nổi, hào hùng, lúc thì tha thiết, biểu cảm - Chú các thẻ chiến lược đọc ở bên phải văn bản.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá

Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động: **Tác giả nói về tác phẩm**

Em hãy tưởng tượng mình là một nhà văn trẻ có dịp được gặp gỡ, trò chuyện cùng tác giả Hồ Chí Minh. Cuộc trò chuyện xoay quanh các vấn đề sau:

+ Giới thiệu đôi nét về bản thân (quê quán, gia đình, sự nghiệp...)
+ Giới thiệu về văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” (xuất xứ, thể loại)

(Nội dung HS chuẩn bị từ tiết trước)

- Thời gian chuẩn bị, tổng hợp lại: 1 phút

- Thời gian trình bày: 5 phút

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày sản phẩm

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

GV chiếu một số hình ảnh về quê hương, gia đình, sự nghiệp cách mạng, tác phẩm tiêu biểu của tác giả Hồ Chí Minh

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả:

- **Hồ Chí Minh (1890 – 1969)**

- Quê: Nam Đàn, Nghệ An.

- Là nhà cách mạng, lãnh tụ của Việt Nam, nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa lớn.

- Sự nghiệp văn học (chính luận, truyện kí, thơ ca...).

Văn chính luận (*Tuyên ngôn độc lập* – 1945;

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến – 1946;

Không có gì quý hơn độc lập tự do – 1966...)

b. Tác phẩm

- **Xuất xứ**

Trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng lao động Việt Nam.

- **Thể loại:** Văn nghị luận

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Khám phá được

- Đặc điểm của văn bản nghị luận trong "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta"
- Nhận định về lòng yêu nước của nhân dân ta

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được đặc điểm của văn bản nghị luận trong "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta"

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 65p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phát vấn: Người viết văn bản nghị luận bao giờ cũng hướng tới đối tượng cần thuyết phục. Theo em, văn bản "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta" hướng tới đối tượng nào? - Một văn bản nghị luận được xem là hoàn chỉnh phải có những đặc điểm nào? Các đặc điểm đó có được thể hiện đầy đủ ở phần trích này không? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS thảo luận và báo cáo sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức GV nhắc lại kiến thức cho HS: - Một văn bản nghị luận được xem là hoàn chỉnh: + Có phần Mở bài (giới thiệu vấn đề) + Có phần Thân bài (gồm các luận điểm, từng luận điểm có lí lẽ và bằng chứng) + Có phần Kết bài (nêu ý nghĩa của vấn đề và định hướng hành động)	II. Khám phá văn bản 1. Đặc điểm của văn bản nghị luận trong "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta" - Đối tượng mà văn bản hướng tới: toàn thể nhân dân Việt Nam và những kiều bào ta ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc. - Văn bản + Mở bài: Khẳng định tinh thần yêu nước của nhân dân ta và sức mạnh vô song của tinh thần ấy + Thân bài: Gồm một số luận điểm, mỗi luận điểm có lí lẽ và bằng chứng lấy từ lịch sử chống giặc ngoại xâm, từ thực tế của cuộc kháng chiến đang diễn ra + Kết bài: Khẳng định lại sự quý báu của truyền thống yêu nước của nhân dân trong công cuộc kháng chiến ➔ Văn bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một văn bản nghị luận hoàn chỉnh
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	2. Nhận định về lòng yêu nước của nhân dân ta

GV cho HS thảo luận nhóm bàn:

Bài nghị luận có mấy luận điểm?
Nêu từng luận điểm và chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm, từ đó rút ra nội dung bao quát của văn bản.

HS thực hiện vào PHT trong thời gian 5 phút



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi, chia nhóm và hoàn thành PHT

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

GV phát vấn:

- Trong phần 1 (nêu vấn đề) tác giả đã đưa ra vấn đề nghị luận là gì? Nhận xét về cách đặt vấn đề đó.
- Tác giả đã sử dụng những nghệ thuật gì trong phần 1 (nêu vấn đề)? Chỉ ra tác dụng của cách sử dụng nghệ thuật đó.

HS suy nghĩ, trả lời

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm

- Sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn
- Các nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập: Căn cứ vào

* Luận điểm 1: Nêu vấn đề tinh thần yêu nước của nhân dân ta

* Luận điểm 2: Truyền thống yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua lịch sử đấu tranh giữ nước xưa kia và qua cuộc kháng chiến chống Pháp ngày nay

* Luận điểm 3: Cần tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước quý báu của nhân dân

→ Luận đề: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta

→ Mối quan hệ giữa các luận điểm: Luận điểm 1: Khái quát; Luận điểm 2: Làm sáng tỏ điều khẳng định ở luận điểm 1; Luận điểm 3: Nêu phương hướng hành động trên cơ sở rút ra nhận thức từ hai luận điểm trước đó.

a. Nêu vấn đề (Luận điểm 1)

- Vấn đề nghị luận: Lòng yêu nước của nhân dân ta

→ Đặt vấn đề trực tiếp, ngắn gọn bằng câu khẳng định.

→ Sử dụng các từ ngữ tinh tế, chọn lọc.

→ Lòng yêu nước sôi nổi, mãnh liệt là tình cảm đẹp, vốn có của dân tộc Việt Nam từ bao đời nay.

- Nghệ thuật: so sánh; động từ mạnh; điệp từ

→ Gợi tả sức mạnh và khí thế mạnh mẽ của lòng yêu nước

b. Chứng minh vấn đề (Luận điểm 2)

- **Lịch sử đấu tranh giữ nước xưa kia:**

Những cuộc kháng chiến chống quân xâm lược vĩ đại: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung

→ Dẫn chứng tiêu biểu, sắp xếp theo thứ tự thời gian

- **Cuộc kháng chiến chống Pháp ngày nay:**

+ “từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ,...”

+ "...từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, ...”

những bằng chứng khách quan nào mà tác giả khẳng định “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước”?

- Thời gian: 7 phút

HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ
HS trình bày kết quả thảo luận nhóm

GV nhận xét, chốt kiến thức

GV cho HS thảo luận nhanh: Vì sao lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta được tác giả xem là một “truyền thống quý báu”?

HS suy nghĩ, trả lời

GV chốt kiến thức:

- Lòng yêu nước được duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác suốt trường kì lịch sử
- Nhờ có lòng yêu nước của nhân dân mà dân tộc Việt Nam mới giành và giữ được nền độc lập của mình.
- Truyền thống yêu nước của nhân dân là nhân tố quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi
- Lòng yêu nước của nhân dân sẽ quyết định tương lai của đất nước

GV phát vấn:

- Văn nghị luận của Hồ Chí Minh bao giờ cũng hướng người đọc đi từ

+ "...từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ..."

+ "...từ những chiến sĩ ngoài mặt trận.... đến những công chức ở hậu phương, ..."

+ "...từ những phụ nữ ... đến các bà mẹ chiến sĩ..."

+ "...từ những nam nữ công nhân và nông dân.... đến những đồng bào điền chủ, ..."

→ Các dẫn chứng có quan hệ với nhau về **đối tượng**: lứa tuổi, địa bàn cư trú, nghề nghiệp, giai cấp, tầng lớp...

→ Dẫn chứng đa dạng, phong phú và bao quát, toàn diện

→ Các dẫn chứng sắp xếp và phân chia theo hệ thống, thuyết phục, rõ ràng.

→ Lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đại đoàn kết dân tộc và nhiệt tình tham gia kháng chiến của nhân dân ta là vô tận

c. Khẳng định vấn đề (Luận điểm 3)

- **Nhận thức:** Về truyền thống quý báu của dân tộc

- **Hành động:** Mỗi người phải thể hiện tinh thần yêu nước bằng những việc làm cụ thể, tùy hoàn cảnh, điều kiện, vị thế của mình trong xã hội.

nhận thức tới hành động. Qua văn bản này, tác giả muốn người đọc nhận thức được điều gì và có hành động như thế nào? Những nhận thức và hành động đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống cộng đồng?

- Theo em, những yếu tố nào đã góp phần làm nên sức thuyết phục của bài nghị luận này? Vấn đề được bàn luận trong văn bản còn có ý nghĩa trong thời đại ngày nay nữa không? Vì sao?

HS suy nghĩ, liên hệ trả lời

GV gợi ý:

Sức thuyết phục của văn bản

“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:

- Văn bản hội tụ đầy đủ đặc điểm để được xem là văn bản nghị luận hoàn chỉnh, mẫu mực

- Câu văn trùng điệp, nhiều vế, có sự đối xứng, tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, truyền cảm (từ...đến...); nhiều hình ảnh giàu sức gợi (làn sóng, nhân chìm, tử kính, bình pha lê, trong rương, trong hòm...)

Vấn đề được bàn luận trong văn bản vẫn còn có ý nghĩa thời sự trong thời đại ngày nay, vì:

- Việc xây dựng đất nước trong thời kì hòa bình, ước mơ một Việt Nam hùng cường luôn cần đến sự đóng góp của mọi người Việt Nam ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài.

- Vấn đề giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc vẫn luôn là vấn đề nóng bỏng, rất cần ý thức cảnh giác, tinh thần sẵn sàng chiến đấu của mỗi người Việt Nam

Lồng ghép ANQP: Kể những tấm gương về anh hùng góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lập luận chặt chẽ - Dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc - Sử dụng từ ngữ, hình ảnh so sánh hiệu quả 2. Nội dung - Ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước - Kêu gọi mọi người phát huy truyền thống yêu nước
---	---

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

* **Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện: 5p**

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động: **Tranh tài hùng biện**

Nội dung hùng biện: Phải chăng lòng yêu nước của mỗi người chỉ cần thể hiện khi Tổ quốc bị xâm lăng?

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá

Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ

c. **Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

d. **Tổ chức thực hiện: 5p**

GV tổ chức trò chơi trắc nghiệm: SAO CHIẾN THẮNG

Câu 1: Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” có xuất xứ như thế nào?

→ Trích trong báo cáo chính trị của tác giả tại Đại hội lần thứ 2, tháng 2 năm 1951

Câu 2: Vấn đề nghị luận của bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” nằm ở vị trí nào?

→ Câu mở đầu tác phẩm

Câu 3: Trong bài văn trên, Bác Hồ viết về lòng yêu nước của nhân dân ta trong trời ki nào?

→ Trong quá khứ và hiện tại

Câu 4: Mục đích của văn bản này là gì?

→ Hồ Chủ tịch nêu lên và làm sáng tỏ ý kiến của mình về một vấn đề xã hội: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

Câu 5: Tác phẩm "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta" (Hồ Chí Minh) thuộc loại văn bản nào?

→ Nghị luận

Câu 6: Trong văn bản "Tinh thần yêu nước của nhân dân ta", Hồ Chí Minh đã dùng hình ảnh nào để thể hiện cụ thể sức mạnh của tinh thần yêu nước?

→ Những thứ của quý

Câu 7: Qua văn bản này, ta có thể học được gì về cách viết một bài văn nghị luận một vấn đề xã hội?

→ - Cần phải lựa chọn vấn đề nghị luận có tính thực tiễn cao, đang được xã hội quan tâm mạnh mẽ

- Trình bày các ý một cách rõ ràng, rành mạch

- Các lí lẽ, bằng chứng đưa ra cần phải chính xác, thực tế, có sức thuyết phục cao tránh những ý chung chung.

Rút kinh nghiệm

.....

Tiết 32

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Đặc điểm của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp, biết cách nhận diện hai kiểu đoạn văn đó trong văn bản, hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đoạn văn đối với việc thể hiện nội dung và lập luận.

- Biết cách viết đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp theo từng yêu cầu cụ thể.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Nhận biết và viết được đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập, trò chơi)

III. Tiến trình dạy học**Hoạt động 1: Khởi động**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động: Siêu trí nhớ

Hãy nhắc nhanh kiến thức đã học về Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về đặc điểm của các kiểu tổ chức đoạn văn: đoạn văn song song, đoạn văn phối hợp

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm, chức năng của đoạn văn song song, phối hợp

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS tìm hiểu từng ví dụ trong SGK: Đoạn văn gồm có mấy câu, các câu trong đoạn thể hiện nội dung gì? a. - Đoạn văn có ba câu, mỗi câu nêu một điều cần làm để đáp ứng quyền lợi của trẻ em. - Không có câu chủ đề. - Tất cả các câu trong đoạn cùng thể hiện một chủ đề: “Trách nhiệm đối với trẻ em” b. - Đoạn văn trên có câu mở đầu (in đậm) nêu chủ đề của đoạn: mọi người sẽ có phản ứng khác nhau khi bị chê cười - Bốn câu tiếp nêu các kiểu phản ứng cụ thể - Câu cuối đoạn (in đậm) khái quát tác hại của sự cười nhạo đối với con người.	1. Nhận biết đặc điểm của kiểu tổ chức đoạn văn đoạn văn song song, đoạn văn phối hợp. * Đoạn văn song song - Không có câu chủ đề - Các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề * Đoạn văn phối hợp - Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp - Có câu chủ đề ở đầu và cuối đoạn 2. Chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn đoạn văn song song, đoạn văn phối hợp * Đoạn văn song song + Phù hợp với việc trình bày thông tin khách quan, không hàm chứa những đánh giá, quan điểm hoặc ý kiến chủ quan của người viết. + Kết luận sẽ do người đọc tự suy nghĩ và rút ra.

GV tiếp tục đặt câu hỏi: qua việc phân tích ví dụ, hãy cho biết chức năng chính của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	* Đoạn văn phối hợp + Cấu trúc chặt chẽ: Tổng – phân – hợp. + Thường phù hợp với việc khẳng định chắc chắn 1 điều gì đó mà người viết cho là chân lí.
--	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu hoàn thành PHT (Phụ lục) Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung bài làm của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Bài 1 a. Câu chủ đề: Không có câu chủ đề - Vị trí câu chủ đề: Không có - Cách thức tổ chức: Song song: Đoạn văn có 2 câu, nội dung mỗi câu đều tập trung nói về cuốn Bình thư yếu lược. b. Câu chủ đề + <i>Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.</i> + <i>Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.</i> - Vị trí câu chủ đề + Đầu đoạn + Cuối đoạn - Cách thức tổ chức: Phối hợp + Câu đầu nêu chủ đề: mọi người Việt Nam đều có lòng yêu nước nồng nàn. + Ba câu tiếp theo nêu hành động yêu nước của các đối tượng cụ thể.

+ Câu cuối rút ra điểm chung của các đối tượng vừa nêu, khẳng định lại lần nữa tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân.

Bài 2

* Phân tích đoạn văn

Câu 1: Nêu tên các khúc nhạc mở đầu của ca Huế.

Câu 2: Nói về ngón nghề (kỹ xảo chơi đàn) của các nhạc công.

Câu 3: Sự âm vang, lay động của tiếng đàn với người nghe

* **Đoạn văn song song**, không có câu chủ đề.

* **Nội dung chính của đoạn văn:** Cách mở đầu đêm ca Huế trên sông Hương

Bài 3

- Đoạn văn song song:

Đi bất cứ nơi đâu trên đất nước này, bạn cũng gặp hình ảnh của Người trong cuộc sống cũng như trong tâm hồn của mỗi người dân. Bác đã hiến trọn cuộc đời cho dân tộc. Mấy chục năm gian nan thử thách ở nước ngoài, Bác đã tìm cho dân tộc con đường đi cách mạng để rồi từ đó, nhân dân ta đòi lại được tự do. Hình ảnh Bác đẹp trong lòng của mỗi người dân Việt không phải chỉ vì Bác đã đem đến cho chúng ta cơm áo tự do mà ngay từ trong cách sống, Bác đã là tấm gương cho tất cả mọi người. Bác sống giản dị và giàu tình cảm. Tôi chưa thấy ở nơi đâu, một vị Chủ tịch nước lại giản dị như thế. Người ăn mặc bình dân, Người sống hòa mình. Người bận trăm công ngàn việc mà vẫn dành thì giờ chăm lo từ những cụ già đến các bé nhi đồng nhỏ tuổi. Người sống trọn mình cho dân tộc chẳng vương bận chút riêng tư.

- Đoạn văn phối hợp:

Truyền thống uống nước nhớ nguồn là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Mỗi người trong chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy mạnh mẽ tinh thần đó. Đây là truyền thống thể hiện sự kính trọng của thế hệ đi sau với thế hệ đi trước để tỏ lòng biết ơn của

	mình với những người có ơn với mình. Hằng năm, cứ mỗi dịp kỉ niệm ngày thương binh liệt sĩ, đảng và nhà nước lại tổ chức các hoạt động thăm viếng mộ liệt sĩ, thăm hỏi gia đình liệt sĩ, tặng quà, tạo điều kiện cho gia đình phát triển. Hiện nay, mọi người trong xã hội đã chú ý hơn đến việc này, không chỉ các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động này mà những đơn vị, tổ chức cá nhân cũng tham gia rất tích cực. Mọi người chung tay nhau, quyên góp, sau đó tổ chức các hoạt động thăm hỏi từng gia đình một, trao quà tặng thưởng. Tuy những món quà đó chưa hẳn đã có nhiều giá trị về vật chất nhưng lại đầy ắp tinh thần của người trao. Đây là các việc làm rất ý nghĩa, cần được mọi người phát huy, giữ gìn để truyền thống uống nước nhớ nguồn mãi là truyền thống quý báu của dân tộc ta, mãi được những dân tộc khác tôn trọng và học hỏi.
--	---

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức trò chơi ONG VÀNG BIẾT TUỐT

1. Đoạn văn diễn dịch, câu chủ đề nằm ở vị trí nào?

→ **Đầu đoạn**

2. Đoạn văn tổng hợp, câu chủ đề nằm ở vị trí nào?

→ **Đầu đoạn và cuối đoạn**

3. Đoạn văn song song là đoạn văn không có câu chủ đề, đúng hay sai?

→ **Đúng**

4. Đoạn văn quy nạp là đoạn văn.....

→ **Trình bày vấn đề theo trình tự từ các ý cụ thể đến khái quát**

5. Đoạn văn dưới đây được trình bày theo cách nào:

Trong tập “Nhật kí trong tù” (Hồ Chí Minh), có những bài phác họa sơ sài mà chân thực đậm đà, càng tìm hiểu càng thú vị như đang chiêm ngưỡng một bức tranh cổ điển. Có những bài cảnh lòng lộng sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có những bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức tranh sơn mài thâm trầm, sâu sắc.

→ **Song song**

6. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn dựa vào yếu tố nào là chính?

→ **Câu chủ đề**

Rút kinh nghiệm

Tiết 33

NAM QUỐC SƠN HÀ (SÔNG NÚI NƯỚC NAM)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

Cảm nhận được tinh thần, khí phách của dân tộc qua bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được, nhận biết được nội dung tinh thần, khí phách của dân tộc qua bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nam quốc sơn hà*
- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

3. Phẩm chất:

Giúp HS nâng cao tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

***Lồng ghép QPAN:**

+ Ý thức về độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

+ Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1. Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

-Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV cho HS xem video Bác Hồ đọc bản Tuyên Ngôn độc lập và yêu cầu HS: Nêu cảm nghĩ của em sau khi xem video trên.

- GV dẫn dắt vào bài mới: Bản “Tuyên ngôn Độc lập” mà các em vừa lắng nghe là kết quả của bao nhiêu máu đã đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hi sinh của những con người anh hùng Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường. Trong lịch sử văn học nước nhà, còn có một tác phẩm nữa được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Đó là bài thơ “Nam quốc sơn hà”. Cô mời các em cùng tìm hiểu.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc- chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS cách đọc, yêu cầu HS đọc bài. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS theo dõi sgk - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (thể loại, hoàn cảnh ra đời, nhan đề, bố cục) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc Giọng đọc hào hùng, đanh thép, tự hào về dân tộc. 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: - Hiện chưa rõ tác giả. Nhiều tài liệu cho là của Lý Thường Kiệt. + Theo sách “<i>Lĩnh Nam chí chích quái</i>” bài thơ được một vị thần ngâm đọc khiến cho quân Tống hoảng sợ, giúp vua Lê Đại Hành đánh bại quân xâm lược năm 981. + Theo sách “<i>Đại Việt sử kí toàn thư</i>”, khi Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

GV tổ chức cho HS thảo luận nhanh: Bài thơ được coi là bản “tuyên ngôn độc lập” đầu tiên của đất nước ta. Em hiểu thế nào là bản “tuyên ngôn độc lập”? Bài thơ được coi là bản “tuyên ngôn độc lập” đầu tiên của đất nước ta. Em hiểu thế nào là bản “tuyên ngôn độc lập”?

GV gợi ý: “Tuyên ngôn độc lập” là lời tuyên bố về chủ quyền của đất nước, của dân tộc và khẳng định không một thế lực nào được phép xâm phạm vào quyền độc lập ấy.

Giới thiệu bản “Tuyên ngôn độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi

lên trong đền thờ thần sông là Trương tướng quân. Sau đó quân Tống thảm bại đúng như lời trong bài thơ.

b. Tác phẩm

- **Thể loại:** Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- **Hoàn cảnh ra đời:** Trong cuộc kháng chiến chống Tống bên sông Như Nguyệt (1076)

- Nhan đề:

Bài thơ vốn không có nhan đề. Tên gọi “*Nam quốc sơn hà*” là do những người biên soạn cuốn sách “*Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*”, tập 2 (NXB Văn học, Hà Nội, 1976) đặt, lấy từ bốn chữ đầu tiên của bài thơ.

- Bố cục:

- + Phần 1 (Hai câu đầu): Khẳng định chủ quyền (quyền cai quản, điều hành) trên phần lãnh thổ của đất nước)
- + Phần 2 (Hai câu sau): Khẳng định tinh thần quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước quân xâm lược.

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Khám phá những nội dung chính:

- (Hai câu đầu): Khẳng định chủ quyền (quyền cai quản, điều hành) trên phần lãnh thổ của đất nước)

- (Hai câu sau): Khẳng định tinh thần quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước quân xâm lược.

Viết được, nhận biết được nội dung tinh thần, khí phách của dân tộc qua bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm - Chia lớp thành 4 nhóm + Nhóm 1,3 tìm hiểu 2 câu đầu + Nhóm 2,4 tìm hiểu 2 câu cuối - Thời gian: 10 phút 	II. Khám phá văn bản 1. Hai câu đầu: Khẳng định chủ quyền trên phần lãnh thổ của đất nước, - Câu 1: + Nước Nam: nước ở phương Nam phân biệt với nước ở phương Bắc (Bắc quốc). + Vua Nam ở (Nam đế cư) → Đất nước đã có chủ, phân biệt và ngang hàng với Bắc đế. ➔ Việc gọi vua nước ta là “đế” đã thể hiện ý thức độc lập, xem nước ta ngang hàng với Trung Hoa. - Câu 2: + <i>Tiệt nhiên</i>: Rõ ràng, điều hiển nhiên + <i>Thiên thư</i>: Sách trời ➔ Sự phân định địa phận, lãnh thổ nước nam trong “thiên thư”. ➔ Hai câu thơ đầu là sự khẳng định chủ quyền đất nước, quyền độc lập, bình đẳng của dân tộc ta. ➔ Thái độ: Tự hào, hiên ngang, tư thế ngẩng cao đầu của tác giả bài thơ, của cả dân tộc Việt Nam.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức GV tổ chức cho Hs thảo luận nhóm đôi: Từ “cư” trong nguyên tác có thể dịch là “ngự” (cai quản), cũng có thể dịch là “ở” (cư trú). Theo em, cách dịch nào thể hiện được rõ tinh thần của một bản “tuyên ngôn độc lập” hơn? Hãy lí giải ý kiến của em. (“ngự” phù hợp hơn)	
	2. Hai câu sau: Khẳng định tinh thần quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước quân xâm lược - Câu 3: + <i>Như hà</i> – có sao: Từ hỏi cho thấy sự phi lí không thể chấp nhận được. + <i>Nghịch lỗ</i> - lũ giặc: Cách gọi tỏ sự khinh bỉ bởi chúng làm trái đạo trời, phạm vào những điều thiêng liêng đã ghi trong sách trời. → Câu hỏi tu từ: Hỏi để khẳng định, tố cáo bản chất ngông cuồng, không có đạo lí của bọn phong kiến phương Bắc (nhà Tống) đã bao đòi y mạnh, cậy lớn để làm càn. → Thái độ rõ ràng, quyết liệt. - Câu 4: + <i>Chỉ rõ:</i> quân giặc sẽ phải chính mắt chứng kiến việc thất bại tan tành do bọn chúng tự gây ra, rồi tự chuốc lấy + <i>Nhịp thơ 2/2/3:</i> Nhanh, mạnh, dứt khoát → Thể hiện sự phẫn nộ + khẳng định → Lời răn trong câu thơ cuối còn giáo dục mỗi người dân ý thức kiên quyết bảo vệ chủ

GV phát vấn: Câu thơ nào trong bài thơ để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao? Em rút ra được nhận thức gì cho bản thân sau khi học bài thơ này? HS tiếp nhận, suy nghĩ trả lời <i>Lồng ghép ANQP: Nêu những việc làm góp phần bảo vệ độc lập chủ quyền nước ta.</i>	<i>quyền đất nước, không cho phép bất cứ kẻ thù nào xâm phạm</i>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt - Ngôn ngữ cô đọng, súc tích. - Giọng thơ đồng đặc, hùng hồn, đanh thép. 2. Nội dung Thể hiện niềm tin vào sức mạnh chính nghĩa của dân tộc ta. Bài thơ có thể xem là bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> đầu tiên của nước ta.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**
Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 3p

- GV giao nhiệm vụ: Nếu coi bài thơ “Nam quốc sơn hà” là 1 văn bản nghị luận, em hãy hoàn thiện sơ đồ sau đây để chỉ ra luận đề, luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng trong bài.

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP

Nếu coi bài thơ “Nam quốc sơn hà” là 1 văn bản nghị luận, em hãy hoàn thiện sơ đồ sau đây để chỉ ra luận đề, luận điểm và các lí lẽ, bằng chứng trong bài.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 2p

- GV tổ chức hoạt động: Cuộc giao tiếp văn chương

Hãy chỉ ra tinh thần yêu nước qua 3 văn bản đã học “Hịch tướng sĩ”; “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” và “Nam quốc sơn hà”.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Tiết 34,35,36,37. VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (Con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với cộng đồng, đất nước để bàn luận; trình bày rõ các khía cạnh của vấn đề và ý kiến cá nhân, thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước.

- Viết được bài văn nghị luận có luận đề, từ luận đề triển khai thành các luận điểm, mỗi luận điểm thể hiện trong ít nhất một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được và nhận biết được bài văn nghị luận về mối quan hệ giữa con người với cộng đồng, đất nước

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu quý mọi người, chan hòa trong mối quan hệ với mọi người, dân tộc, đất nước
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

***Lồng ghép QPAN: Tác hại của tệ nạn xã hội tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập, bảng kiểm...)

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

-Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV phát vấn: Theo em, con người có những mối quan hệ nào trong đời sống?

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Con người không chỉ có mối quan hệ với những người có cùng chung huyết thống mà còn có mối quan hệ mật thiết với thiên nhiên, môi trường, xã hội, văn hóa, đất nước, quê hương, cộng đồng... Vậy làm thế nào để nêu ý kiến về mối quan hệ của con người với xã hội, cộng đồng, đất nước, chúng ta sẽ cùng đến với bài học ngày hôm nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Yêu cầu đối với kiểu bài

a. Mục tiêu: Nắm được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Nhận biết được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em hãy nêu những lưu ý khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Yêu cầu đối với kiểu bài - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến. - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết. - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.
---	---

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “*Hiểu biết về lịch sử*”

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Hiểu được bài văn nghị luận theo đúng các bước.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 45p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức kĩ thuật “CẬP ĐÔI CHIA SẺ” - Yêu cầu: Hoàn thành Phiếu học tập - Thời gian: 10 phút  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	II. Phân tích bài viết tham khảo * Phần mở bài: Nêu vấn đề bàn luận: sự cần thiết của hiểu biết về lịch sử. * Phần thân bài: Triển khai các luận điểm - Kiến thức lịch sử cho ta biết được truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước vẻ vang của tổ tiên. - Hiểu biết về lịch sử đem lại cho ta bài học về lòng yêu nước, tự hào dân tộc, đồng thời giúp ta rút ra từ quá khứ những kinh nghiệm quý báu để giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện tại. - Hiện nay, có một bộ phận HS không thích học môn Lịch sử và thiếu hiểu biết về truyền thống của dân tộc, điều này dẫn đến những hệ quả tiêu cực. * Phần kết bài

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	Kết luận vấn đề: Nhắc lại sự cần thiết của việc hiểu biết về lịch sử đất nước, khơi gợi thái độ cần có ở mỗi người và nêu cách thức hành động
--	---

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Viết được bài văn miêu tả theo đúng các bước.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 90p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết tốt 1 bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành viết một bài văn nghị luận về vấn đề đời sống. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài Có thể tham khảo các đề tài sau: - Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện. - Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em. - Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống. b. Tìm ý

Phiếu tìm ý

Lời văn nghị luận về một vấn đề đời sống
(Con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

Vấn đề được bàn luận	
Ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề	
Các khía cạnh cơ bản của vấn đề	Khía cạnh 1 (lí lẽ, bằng chứng)
	Khía cạnh 2 (lí lẽ, bằng chứng)
	Khía cạnh 3 (lí lẽ, bằng chứng)
Ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động	

c. Lập dàn ý

- **Phần mở bài:** Nêu vấn đề đời sống và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó.

- **Phần thân bài:** Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc.

+ Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng)

+ Liên hệ, mở rộng vấn đề? (Lí lẽ, bằng chứng)

- **Phần kết bài:** Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.

2. Viết bài

- **Với mở bài:**

+ Xác định vấn đề (viết thành đoạn văn)

+ Có thể giới thiệu trực tiếp/gián tiếp.

+ Đưa ra ý kiến 1 cách rõ ràng, chính xác.

- **Với thân bài**

+ Tách các luận điểm thành 1 đoạn văn hoàn chỉnh.

+ Luôn thống nhất nội dung với vấn đề đã lựa chọn.

+ Chú ý phương tiện liên kết giữa các đoạn văn.

- **Với kết bài**

+ Viết thành một đoạn

+ Nêu ý nghĩa vấn đề.

+ Xác định phương hướng hành động

3. Chỉnh sửa bài viết

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT		
Hướng dẫn: Hãy điền dấu ✓ vào cột Đạt hay Chưa đạt để kiểm tra, đánh giá bài viết của mình.		
Tên chỉ điểm giá bài viết	Đạt	Chưa đạt
Bài viết có nêu và giải thích được vấn đề nghị luận chưa?		
Không luận đề có đầy đủ chưa?		
Các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng có đủ thuyết phục chưa? Cần bổ sung không?		
Bài viết đã tổng hợp được quan điểm của người viết chưa?		
Bài viết đã nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận chưa? Bài viết có phương hướng hành động chưa?		
Hình thức		
Ngữ pháp, từ vựng có đúng chưa?		

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe - nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 30p

GV tổ chức hoạt động: EM LÀ NHÀ BÁO TƯƠNG LAI

- Giả sử, em là một nhà báo, đang viết bài cho một tòa soạn của mình.
- Yêu cầu: viết Bài báo nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)
- Bài viết được đăng tải trên tòa soạn (facebook) của lớp, được đánh giá 50% lượt tương tác trên tòa soạn + 50% sự đánh giá của giáo viên
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 10p

- GV yêu cầu HS:
- + HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa
- + Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Tiết 38. NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI

(Ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Nội dung thảo luận cần tập trung vào một vấn đề đã được lớp/ nhóm lựa chọn. Vấn

đề thảo luận phải đúng trọng tâm: ý thức trách nhiệm với cộng đồng của HS.

- Việc thảo luận cần hướng tới các yêu cầu chính: để hiểu đúng, hiểu sâu về một vấn đề nào đó của đời sống; rèn luyện, nâng cao kỹ năng nói, kỹ năng tương tác; ý thức được trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng, từ đó có phương hướng để hành động đúng.

- Các thành viên tham gia thảo luận cần nắm được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được nội dung vấn đề ý thức trách nhiệm với cộng đồng của HS.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Về phẩm chất

- Kỉ luật, biết lắng nghe

- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

***Lồng ghép QPAN: Trách nhiệm của học sinh tham gia phòng, chống bạo lực học đường.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, biên bản liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

-Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:5p

GV cho HS xem video: Bài học về sự chịu trách nhiệm – Kỹ năng sống.

Theo dõi video và cho biết, video đề cập đến vấn đề gì? Em có suy nghĩ gì về vấn đề đó?

HS xem video và chia sẻ

- GV dẫn vào bài học: Các em thân mến! Sống có trách nhiệm chính là yếu tố quan trọng giúp con người tiến gần đến thành công hơn. Những người sống có trách nhiệm luôn được người khác tin tưởng, kính trọng. Trong tiết học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi học sinh – ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Trước khi thảo luận

a. Mục tiêu: HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Theo em, để thực hiện tốt bài thảo luận, chúng ta cần chuẩn bị những gì ở bước Trước khi thảo luận? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Trước khi thảo luận 1. Thống nhất một vấn đề Có thể lựa chọn một trong số vấn đề sau: - Học sinh có cần quan tâm đến những vấn đề lớn lao của đất nước? - Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông? - Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc? 2. Hoạt động cá nhân Cá nhân tìm hiểu, tham khảo thêm những tài liệu có liên quan, ghi chép nhanh các ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ để chuẩn bị phát biểu ý kiến thảo luận. 3. Lựa chọn người điều hành - Giáo viên: Năm bao quát và điều hành lớp - Người điều hành: Sắp xếp, giới thiệu tuần tự các ý kiến, định hướng vào trọng tâm đề tài, kiểm soát thời gian phát biểu ý kiến của từng người; tổ chức đánh giá, tổng kết cuộc thảo luận - Thư kí: Ghi chép những nội dung, ý kiến trong cuộc thảo luận Biên bản cho thư kí Giáo viên:..... Người điều hành:..... Thư kí:..... Vấn đề: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (Ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh) Ý kiến của các thành viên: + Tên: Ý kiến:..... + Tên: Ý kiến:..... + Tên: Ý kiến:..... Ý kiến của người điều hành:..... Tổng kết của giáo viên:.....

2.2. Thảo luận

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi thảo luận

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Viết được nội dung vấn đề ý thức trách nhiệm với cộng đồng của HS.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Theo em, khi thảo luận, các thành viên trong lớp, trong ban điều hành sẽ làm nhiệm vụ gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	II. Thảo luận - Người điều hành nhắc lại đề tài, nêu định hướng và mục đích thảo luận. - Các thành viên trong lớp lần lượt phát biểu ý kiến (tập trung vào trọng tâm vấn đề, phân tích từng khía cạnh, có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục), người phát biểu sau có thể nêu quan điểm cá nhân (đồng ý/phản đối) - Thư kí ghi chép các ý kiến - Người điều hành dựa vào đó tổng hợp, kết luận về vấn đề - Giáo viên nhận xét chung, cho điểm

2.3. Đánh giá

a. Mục tiêu: Biết nhận xét, đánh giá về bài thảo luận của bạn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đánh giá bài thảo luận - Vấn đề nêu lên để thảo luận có liên quan đến ý thức trách nhiệm của HS đối với cộng đồng hay không? - Nội dung thảo luận đã làm rõ những khía cạnh nào của vấn đề? Những khía cạnh nào cần tiếp tục suy nghĩ? - Các ý kiến thảo luận (cả về nội dung và cách trình bày) đã đáp ứng yêu cầu chưa? Sự tương tác giữa người nói và người nghe thể hiện như thế nào trong quá trình thảo luận? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	III. Đánh giá Gợi ý: - Vấn đề nêu lên để thảo luận có liên quan đến ý thức trách nhiệm của HS đối với cộng đồng hay không? - Nội dung thảo luận đã làm rõ những khía cạnh nào của vấn đề? Những khía cạnh nào cần tiếp tục suy nghĩ? - Các ý kiến thảo luận (cả về nội dung và cách trình bày) đã đáp ứng yêu cầu chưa? Sự tương tác giữa người nói và người nghe thể hiện như thế nào trong quá trình thảo luận?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	
---	--

Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

*** Đối với HS khuyết tật nghe -nói:**

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV tổ chức TALK SHOW “THIỆU NIÊN NÓI”

Chia lớp thành 4 nhóm, cử ban điều hành cuộc tọa đàm

Yêu cầu: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (Ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

Kết thúc tọa đàm, cả lớp sẽ bình chọn

- Thành viên phản biện hay nhất.

- Thành viên nổi bật nhất.

- Thành viên có nhiều ý kiến nhất

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

GVBM

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Hương

Ngày soạn: 14/10/2023

Ngày dạy:/...../.....

Tiết 39,40

ÔN TẬP GIỮA KÌ I**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT****1. Kiến thức:**

- Ôn tập, củng cố kiến thức: Phần đọc hiểu và phần làm văn.
- Phần đọc hiểu làm quen với các dạng đề phương thức biểu đạt, nêu ý nghĩa của truyện, chỉ ra được từ loại đã học.
- Phần làm văn biết viết một bài văn tự sự, văn phân tích một tác phẩm văn học có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy...

2. Năng lực

- Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác.
- Rèn kỹ năng sáng tạo khi làm bài.

3. Phẩm chất:

Cần cù, chăm chỉ, học hỏi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD,sgk...
- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5')**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

HOẠT ĐỘNG 2: HỆ THỐNG KIẾN THỨC (20')**Nội dung 1: Kiến thức phần Văn học:**

a.Mục tiêu: Hs hệ thống kiến thức phần văn bản đã học

b.Nội dung:Hs nắm chắc kiến thức, trả lời câu hỏi

c.Sản phẩm:Câu trả lời của hs

d.Tổ chức thực hiện:

*B1:Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:

- Hệ thống nội dung các tác phẩm đã học theo mẫu:

STT	Tên tác phẩm	Tác giả	Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ	Đặc sắc nội dung	Đặc sắc nghệ thuật	PTBD/ Ngòi kể/ Thể loại

*B2:HS thảo luận nhóm lớn theo yêu cầu

*B3:HS trình bày

*B4: Gv nhận xét, chốt kiến thức: trên máy chiếu

Nội dung 2: Ôn tập phần thực hành tiếng Việt

a.Mục tiêu: củng cố kiến thức về phần tiếng Việt đã học

b.Nội dung: HS nhớ và vận dụng kiến thức làm bài tập

c.Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d.Tiến trình thực hiện:

B1:Chuyên giao nhiệm vụ cho HS:

?Nêu các đơn vị tiếng Việt đã học? Lấy ví dụ?

B2:HS làm việc theo nhóm

B3: Hs báo cáo kết quả

B4:GV nhận xét, chốt kiến thức:

Nội dung 3: Phần tập làm văn

a.Mục tiêu:Hệ thống kiến thức kiểu bài viết đã học

b.Nội dung: HS trình bày đặc điểm, cách làm bài viết

c.Sản phẩm: Câu trả lời của hs

d.Tổ chức thực hiện:

B1:chuyên giao nhiệm vụ:

?Nêu quy trình viết bài kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

?Nêu quy trình bài viết phân tích một tác phẩm văn học.

B2: HS hoạt động cặp đôi

B3:HS báo cáo kết quả

B4:GV nhận xét chốt kiến thức:

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (60')

a.Mục tiêu:HS vận dụng kiến thức là bài tập

b.Nội dung: Kiến thức tổng hợp 3 phần

c.Sản phẩm: Bài tập của HS

d.Tổ chức thực hiện:

b1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS thực hành luyện viết theo yêu cầu.

- Viết bài kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

- Viết bài phân tích một tác phẩm văn học.

B2:HS hoạt động cá nhân

B2:HS trình bày kết quả

B4:Gv nhận xét, chốt:

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5')

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: Cho hs về nhà luyện đề phần viết theo yêu cầu.

IV. Hướng dẫn ở nhà, rút kinh nghiệm: (1')

- Thực hiện bài tập vào vở.

- Chuẩn bị tiết sau: Kiểm tra giữa kì I

- Rút kinh nghiệm:

.....

...

Tiết 41,42:

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

(Đã nộp đề về tổ và đã được phê duyệt trước khi cho HS làm bài kiểm tra giữa HKI,
đề lưu tại chuyên môn trường)

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

GVBM

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Hương

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 05:49 09/11/2025
bởi Nguyễn Thị Hương (badong_huongnguyen) – TRƯỜNG THCS BA ĐỘNG